

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88/QĐ-THCSLB

Long Biên, ngày 08 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán thu - chi Ngân sách 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu chi Ngân sách 2024 của trường (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu trường THCS Long Biên, bộ phận tài vụ và các bộ phận liên quan thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT



Nguyễn Thị Diệu Thúy

Đơn vị: TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

Chương: 622

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 83 /QĐ- THCSLB ngày/... /2025 của trường THCS Long Biên)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	2,708	2,708	0	
1	Học phí	2,708	2,708		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	2,708	2,708	0	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2,708	2,708		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	0	0		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8,524	8,524	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	8,524	8,524		
1	Chi quản lý hành chính	8,524	8,524		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8,271	8,271		
1.1.1	Tiền lương	3,231	3,231		
	Lương ngạch, bậc được duyệt	3,231	3,231		
1.1.2	Tiền công trả cho lao động theo hợp đồng	0	0		
	Tiền công khác	0	0		
1.1.2	Phụ cấp lương	1,400	1,400		
	Phụ cấp chức vụ	25	25		
	Phụ cấp thêm giờ	0	0		
	Phụ cấp ưu đãi nghề	915	915		
	PC trách nhiệm nghề, công việc	29	29		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, PC thâm niên nghề	402	402		
	Phụ cấp khác	29	29		
1.1.3	Phúc lợi tập thể	0	0		
	Chi khác	0	0		
1.1.4	Các khoản đóng góp	1,022	1,022		
	Bảo hiểm xã hội	730	730		
	Bảo hiểm y tế	150	150		



C	Quyết toán chi HP	4,844	4,844		
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0			
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4844	4844		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4844	4844		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội	0			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	0			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	tân	0			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ	0			
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				

